TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 19-09-2024
"Tranh chấp về HNGĐ –
chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;
Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;
Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy;

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh**: Bà Nguyễn Thị Được- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc *"Tranh chấp về HNGĐ - chia tài sản sau khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 115/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LVO bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 452/2024/QĐXX-PT, ngày 08 tháng 07 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Tô Kim Ph, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Số 183, ấp Hưng Thạnh Đông, xã Long Hưng B, huyện LVO, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph: Chị Võ Thị Phương Th sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 518/9R. Kênh Tây, khóm 5, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Võ Thành M, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: Số 183, ấp Hưng Thạnh Đông, xã Long Hưng B, huyện LVO, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Võ Thị Phương Th, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú: Số 518/9R. Kênh Tây, khóm 5, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Thị Yến V, sinh năm 2003;

Địa chỉ cư trú: Số 183, ấp Hưng Thạnh Đông, xã Long Hưng B, huyện LVO, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Tô Kim Ph là nguyên đơn; chị Võ Thị Phương Th, chị Võ Thị Yến V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị nguyên đơn trình bày:

Chị Ph và anh Võ Thành M đã ly hôn vào ngày 10/3/2023 theo Quyết định số 15/2023/QĐCNTTLH của Tòa án nhân dân huyện LVO "Công nhận thuận tình ly hôn của chị Tô Kim Ph và anh Võ Thành M; Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết".

Lúc đầu Chị Ph và anh M tự thỏa thuận phân chia tài sản khi ly hôn nhưng sau nhiều lần bàn bạc Chị Ph và anh M không thỏa thuận được nên Chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung giữa Chị Ph và anh M gồm có:

Một chiếc xe máy future 125 mua, năm 2022, biển kiểm soát 66-B1 625.04 do anh M đứng tên chủ sở hữu và hiện nay anh M đang sử dụng, Chị Ph và anh M thống nhất giá trị tài sản là 20.000.000 đồng. Chị Ph đồng ý giao cho anh M sở hữu chiếc xe, anh M đồng ý trả lại cho Chị Ph 10.000.000 đồng.

Một chiếc ghe chở hàng có trọng tải 40 tấn được mua lại ngày 19/9/2018 mua của ông Huỳnh Thanh M với hình thức viết giấy tay, ghe mang biển số DT19637, hiện do anh M đang sử dụng, Chị Ph để lại cho anh M sử dụng, anh M và Chị Ph thống nhất giá trị chiếc ghe là 150.000.000 đồng, anh M sử dụng chiếc ghe và đồng ý trả lại cho trị Ph giá trị 75.000.000 đồng.

Tiền mặt 185.000.000 đồng hiện do anh M đang giữ làm vốn mua bán, anh M đồng ý trả Chị Ph ½ số tiền, cụ thể là 92.500.000 đồng.

Chị Ph và anh M thống nhất hiện nay Chị Ph giữ số vàng 17 chỉ vàng 24kara x 5.500.000đ/chỉ = 93.500.000 đồng, anh M đồng ý giao cho Chị Ph số vàng này, Chị Ph đồng ý trả lại cho anh M số tiền 46.750.000 đồng.

Chị Ph và anh M thống nhất hiện nay Chị Ph giữ số vàng 10 chỉ vàng 18kara x 3.400.000đ/chỉ = 34.000.000 đồng, anh M đồng ý giao cho Chị Ph số vàng này, Chị Ph đồng ý trả lại cho anh M số tiền 17.000.000 đồng.

Chị Ph và anh M thống nhất hiện nay Chị Ph giữ số tiền mặt là 49.000.000 đồng, Chị Ph đồng ý trả lại cho anh M số tiền 24.500.000 đồng.

Tổng cộng 06 món tài sản và tiền trên có giá trị 531.500.000 đồng, chia mỗi người ½ bằng số tiền 265.750.000 đồng. Hiện tại anh M đang giữ tài sản và số tiền trị giá 355.000.000 đồng. Chị Ph đang giữ tài sản và số tiền trị giá 176.500.000 đồng. Số tiền và tài sản chênh lệch anh M phải giao lại cho Chị Ph là 89.000.000 đồng.

Hiện nay anh M đã trả cho Chị Ph được 18.020.000đ còn lại là 70.980.000đ, Chị Ph yêu cầu anh M giao cho chị số tiền còn lại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án.

Đối với căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất có diện tích 134,8m^2, đất thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 53, đất tọa lạc tại ấp Hưng Thạnh Đông, xã Long Hưng B, huyện LVO, tỉnh Đồng Tháp, đất được Ủy ban nhân dân huyện LVO cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH05529, cấp ngày 26/5/2014, cấp cho hộ ông Võ Thành M, căn nhà hiện nay Chị Ph và con gái đang sống, Chị Ph yêu cầu được quản lý nhà và đất này và đồng ý trả giá trị cho anh M theo giá của Hội đồng định giá đã định cụ thể: Đất ở nông thôn, thuộc khu vực 3, vị trí 1, đơn giá 450.000đồng/m^2 x 2 = 900.000đồng/m^2; Đất trồng cây lâu năm, thuộc khu vực 1, vị trí 2, đơn giá 90.000đ/m^2 x 1,5 = 135.000đ/m^2; Nhà ở cấp 4: Diện tích: 52,32m^2 ngang 4,8m x dài 10,9m; xây dựng năm 2001 đã hết giá trị khấu hao tài sản theo qui định; Mái Che: Ngang 5,8m, dài 10,9m. diện tích 63,22m^2 giá trị 41.270.000 đồng

Tổng cộng nhà và đất có giá trị là 120.668.000đồng, Chị Ph đồng ý chia đôi. Chị Ph nhận nhà và đất và đồng ý trả cho anh M số tiền 60.334.000đồng.

Chị Ph thống nhất theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án; sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LVO và biên bản định giá của Hội đồng định giá.

- Tại biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Võ Thành M bị đơn trình bày:

Anh Võ Thành M thống nhất lời trình bày của Chị Ph về tài sản chung của vợ chồng như Chị Ph liệt kê ở trên. Tổng cộng 06 món tài sản và tiền trên có giá trị 531.500.000 đồng, chia mỗi người ½ bằng số tiền 265.750.000 đồng. Hiện tại anh M đang giữ tài sản và số tiền trị giá 355.000.000 đồng. Chị Ph đang giữ tài sản và số tiền trị giá 176.500.000 đồng. Số tiền và tài sản chênh lệch anh M phải giao lại cho Chị Ph là 89.000.000 đồng. Hiện nay anh M đã trả cho Chị Ph được 18.020.000 đồng, còn lại là 70.980.000 đông đồng ý giao tiếp cho Chị Ph. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của anh M.

Đối với căn nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích 134,8m^2, thửa số 44, tờ bản đồ số 53, Anh M yêu cầu được hưởng phần đất có nhà phụ có diện tích 74,6m^2 thể hiện ở các mốc MA, M2, M3, MB về MA. Nhà chính đồng ý giao cho Chị Ph.

Anh M thống nhất theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án; sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LVO và biên bản định giá của Hội đồng định giá.

- Tại biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Võ Thị Phương Th và chị Võ Thị Yến V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Th và chị V là con gái ruột của ông Võ Thành M và bà Tô Kim Ph, đã ly hôn theo quyết định số 15/2023/QĐCNTTLH ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LVO hiện nay còn tranh chấp ngôi nhà và đất. Ông M, bà Ph có 2 người con chung là Võ Thị Phương Th và Võ Thị Yến V. Trước

đây cậu chị Th là ông Tô Thành M có cho mẹ chị Th là bà Tô Kim Ph 01 miếng đất có diện tích 134,8m^2 (đất ở nông thôn 80,0m^2, đất trồng cây lâu năm 54,8m^2) đất thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 53, toạ lạc tại ấp Hưng Thạnh Đông, xã Long Hưng B, huyện LVO, tỉnh Đồng Tháp, được UBND huyện LVO cấp giấy CNQSD đất số vào số CH05529, cấp ngày 26/05/2014, cấp cho hộ ông Võ Thành M. Nguồn gốc đất ông bà ngoại cho cậu chị Th, cậu chị Th cho lại mẹ chị Th. Ông Tô Thành M đứng tên cho nhưng thời gian đó ba chị Th được đứng tên chủ hộ trên giấy tờ đất. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Võ Thành M có 4 người là ông M, bà Ph, Thảo, Vi.

Nay chị Th và chị V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LVO giải quyết: Chia diện tích 134.8m^2, làm 4 phần cho ông Võ Thành M, bà Tô Kim Ph, Võ Thị Phương Th, Võ Thị Yến V mỗi phần có giá trị theo định giá.

Chị Th và chị V thống nhất theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án; sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LVO và biên bản định giá của Hội đồng định giá.

**** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:***

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tô Kim Ph.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Phương Th và chị Võ Thị Yến V.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Võ Thành M và chị Tô Kim Ph. Anh Võ Thành M có nghĩa vụ giao cho Chị Ph 70.980.000đồng (Bảy mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

- Xác định diện tích 134,8m^2 (đất ở nông thôn 80,0m^2, đất trồng cây lâu năm 54,8m^2) thửa số 44, tờ bản đồ số 53, đất tọa lạc tại ấp Hưng Thạnh Đông, xã Long Hưng B, huyện LVO, tỉnh Đồng Tháp, đất được Ủy ban nhân dân huyện LVO cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Thành M số vào sổ CH05529, ngày 26/5/2014 và nhà cấp 4 cùng mái che khung tiền chế có trên đất là tài sản chung của Chị Ph và anh M.

- Giao cho chị Tô Kim Ph được quyền sử dụng diện tích đất 60,2m^2(trong đó có 40m^2 đất ONT và 20,2m^2 đất CLN), thể hiện ở các mốc M1, MA, MB, M4 và trở về M1 và căn nhà cấp 4 có trên đất cùng toàn bộ tài sản trong nhà.

- Giao cho anh Võ Thành M được quyền sử dụng diện tích đất 74,6m^2 (trong đó có 40m^2 đất ONT và 34,6m^2 đất CLN), thể hiện ở các mốc Ma, M2, M3, Mb và trở về MA và mái che khung tiền chế có trên đất.

- Anh Võ Thành M có nghĩa vụ trả tiền giá trị chênh lệch tài sản cho chị Tô Kim Ph là 22.579.000đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Anh M và Chị Ph được đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai theo diện tích được sử dụng (theo sơ đồ đo đạc ngày 05/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LVO).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Ph, chị Th, chị V có đơn kháng cáo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bà Tô Kim Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Bị đơn là ông Võ Thành M đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; không có kháng cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Th, chị V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ph, sửa một phần bản án sơ thẩm, đối với chia tài sản là căn nhà. Không chấp nhận yêu cầu chia đất của chị Th và chị V trong khối tài sản chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Tô Kim Ph đối với ông Võ Thành M về việc chia tài sản chung sau khi đã ly hôn nên được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình- chia tài sản chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Ph, chị Th, chị V không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ph đối với việc chia tài sản chung là căn nhà có trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 53, đất tọa lạc tại ấp Hưng Thạnh Đông, Huyện LVO, tỉnh Đồng Tháp; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: bà Ph, ông M đều thừa nhận là của mẹ bà Ph cho bà Ph, trong quá trình sống chung, bà Ph để cho ông M đứng tên đất nên vào ngày 22/10/2001 hộ ông Võ Thành M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2014 thì cấp đổi, giấy đất cấp cho hộ ông Võ Thành M. Như vậy, mặc dù nguồn gốc đất là của mẹ bà Ph cho bà Ph nhưng bà Ph đã thống nhất xác lập tại sản chung với ông M, tại thời điểm cấp giấy chỉ có bà Ph và ông M chung hộ.

Về diện tích đất tranh chấp: theo đo đạc thực tế phần đất tại thửa 44, tờ bản đồ số 53 có diện tích là 134,8m^2 trong đó có 80m^2 đất ở nông thôn và 54,8m^2 đất trồng cây lâu năm.

Về quá trình sử dụng và tài sản trên đất: từ khi bà Ph được cho đất thì ông M, bà Ph quản lý, sử dụng và có xây dựng căn nhà chính, nhà phụ (nhà phụ chung 1 bên vách với nhà chính và có khu nhà vệ sinh). Trước đây bên phần nhà phụ ông M, bà Ph có cho chị Th sử dụng 01 phần phía trước bên nhà phụ để làm quầy thuốc tây vào năm 2015. Tuy nhiên, do phát sinh tranh chấp nên ông M đã buộc chị Th di dời tủ thuốc tây, nên hiện trạng hiện nay quầy thuốc tây chỉ còn có kết cấu là khung thép tiền chế, nền lát gạch ceramic, tường sơn P, không trần, cửa kéo sắt.

Tòa cấp sơ thẩm xem xét giải quyết và quyết định đối với tài sản chung là nhà, đất tại thửa 44 như sau: giao cho bà Ph sử dụng phần nhà chính, ông M sử dụng phần nhà phụ; ông M có nghĩa vụ thối thêm giá trị chênh lệch cho bà Ph. Hội đồng xét xử xét thấy, như phân tích về hiện trạng nhà như đã nêu trên, thì nhà phụ chung vách với nhà chính và 02 căn nhà sử dụng chung nhà vệ sinh (nhà vệ sinh xây cất bên phần nhà phụ); Đồng thời, diện tích giao cho mỗi bên sử dụng lại không đủ diện tích tối thiểu để được cấp giấy theo quy định. Đồng thời, trong các tài sản mà bà Ph, ông M đã tự thỏa thuận thì ông M được tiếp tục quản lý, sử dụng 01 chiếc ghe có trọng tải 40 tấn, như vậy ông M có nơi ở để đảm bảo được cuộc sống. Do đó, việc bà Ph kháng cáo yêu cầu được sử dụng đối với nhà và đất tại thửa 44, đồng ý trả ½ giá trị nhà, đất tại thửa 44 cho ông M là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ph: giao nhà và đất tại thửa 44 cho bà Ph tiếp tục quản lý, sử dụng, bà Ph có nghĩa vụ thối ½ giá trị nhà, đất lại cho ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ph, ông M thống nhất giá trị nhà, đất theo giá mà Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định với tổng giá trị là: 120.668.000đ. Tuy nhiên, bà Ph có yêu cầu xem xét thẩm định, định giá bổ sung đối với nhà vệ sinh; chị Th có yêu cầu xem xét thẩm định, định giá đối với quầy thuốc tây. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định ngày 09/8/2023 (bút lục 52-53) và định giá tài sản ngày 05/10/2023 (bút lục 75-76) thì cấp sơ thẩm không có xem xét thẩm định và định giá đối với phần nhà vệ sinh cũng như quầy thuốc tây. Vì vậy, cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá bổ sung thu được kết quả như sau: nhà vệ sinh nằm ở vị trí bên nhà phụ (nằm cặp rạch chùa), chiều dài 1,7m; chiều rộng 2,25m, dán gạch ceramic cao 2m, giá trị sử dụng còn lại là: 9.573.000đ. Như vậy, sau khi xem xét thẩm định và định giá bổ sung thì giá trị nhà (chính+ phụ+ nhà vệ sinh) + đất có tổng giá trị là: 130.241.000đ. Do đó, khi giao nhà, đất tại thửa 44 cho bà Ph quản lý, sử dụng thì bà Ph phải thối ½ giá trị lại cho ông M với số tiền là 65.120.500đ.

Đối với 06 loại tài sản mà ông M, bà Ph đã tự thỏa thuận, sau khi trừ giá trị chênh lệch thì ông M phải thối giá trị lại cho bà Ph là 89.000.000đ. Ông M đã trả cho bà Ph 18.020.000đ. Như vậy, ông M còn phải thối giá trị

cho bà Ph là 70.890.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của bà Ph, ông M là phù hợp.

- Xét yêu cầu kháng cáo của chị Th và chị V yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: đối với thửa đất 44, chị Th, chị V yêu cầu chia phần đất ra làm 04 phần, mỗi phần có diện tích (134,8m^2: 4= 33,7m^2).

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích ở trên, đối với thửa đất 44, tờ bản đồ số 53 là do bà ngoại của chị Th, cho mẹ chị Th là bà Ph, chị Th không có chứng cứ gì để chứng minh rằng bà ngoại chị có cho đất chị và chị V. Đồng thời, khi cha chị là ông M đăng ký quyền sử dụng đất năm 2001 và đất được cấp cho hộ thì lúc này chị Th được 10 tuổi, còn chị V cũng chưa được sinh ra. Như vậy, để tính về công sức đóng góp để hình thành khối tài sản này thì chị Th và chị V cũng không có công sức đóng góp. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không cấp nhận yêu cầu độc lập của chị Th, chị V là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th trình bày: việc yêu cầu xem xét, thẩm định, định giá bổ sung đối với hiện trạng quầy thuốc tây là để chứng minh cho yêu cầu chia đất nên chị Th thống nhất không yêu cầu xem xét đối với giá trị quần thuốc tây nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ph, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Th, chị V, sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ph nên bà Ph không phải chịu tiền án phí phúc thẩm;

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Th, chị V nên chị Th, chị V phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Chi phí xem xét thẩm định, định giá bổ sung ở cấp phúc thẩm người yêu cầu phải chịu, số tiền này đương sự đã nộp và đã chi xong

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ph, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Th, chị V. Sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 38, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33 Luật HNGĐ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tô Kim Ph;

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Phương Th, chị Võ Thị Yến V.

3. Sửa một phần quyết định bản án hôn nhân sơ thẩm số 115/2023/HNGĐ-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án huyện LVO;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Kim Ph.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Phương Th và chị Võ Thị Yến V.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Võ Thành M và bà Tô Kim Ph. Ông Võ Thành M có nghĩa vụ giao cho bà Ph số tiền là 70.890.000đồng (Bảy mươi triệu tám trăm chín chục nghìn đồng).

- Bà Tô Kim Ph được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ nhà, đất tại thửa 44, tờ bản đồ số 53, trên đất có nhà chính, nhà phụ, nhà vệ sinh.

Bà Ph có nghĩa vụ thối ½ giá trị nhà đất tại thửa 44, tờ bản đồ số 53 lại cho ông M với số tiền là: 65.120.500đ (Sáu mươi lăm triệu một trăm hai chục nghìn năm trăm đồng).

Thời gian lưu cư của ông M trên thửa đất 44, tờ bản đồ số 53 là 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Ph được đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai theo diện tích được sử dụng (theo sơ đồ đo đạc ngày 05/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LVO).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm

Bà Tô Kim Ph phải chịu 3.256.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp 7.375.000đồng theo biên lai thu số 0016698, ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LVO. Như vậy, Bà Ph được nhận lại 4.119.000đồng.

Ông Võ Thành M phải chịu 6.817.500 đồng tiền án phí chia tài sản chung;

Chị Võ Thị Phương Th chịu 992.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 674.000đồng theo biên lai thu

số 0003884, ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LVO. Chị Th còn phải nộp 314.000đồng (Ba trăm mười bốn nghìn đồng).

Chị Võ Thị Yến V chịu 992.000đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 674.000đồng theo biên lai thu số 0003883, ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LVO. Chị V còn phải nộp 314.000đồng (Ba trăm mười bốn nghìn đồng).

Bà Tô Kim Ph chịu 1.885.500đồng (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng) (Đã thu và chi xong).

Ông Võ Thành M có nghĩa vụ trả cho Chị Ph 1.885.500đồng (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

- Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:

Chị Th, chị V phải chịu 4.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá bổ sung (chị Th đã nộp và đã chi xong).

3. Về án phí phúc thẩm:

Bà Ph được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003576 ngày 12/01/2024 tại Chi cục thi hành án Huyện LVO;

Chị Th, chị V mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0007286, 0007285, cùng ngày 11/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LVO.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. LVO;
- Chi cục THADS H. LVO
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh